

**KHẢO SÁT KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, THỰC HÀNH
VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG PHÒNG CHỐNG COVID-19
CỦA NGƯỜI DÂN TRONG THỜI KỲ BÌNH THƯỜNG MỚI
TẠI THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Lê Hồng Liêm^{1}, Trần Thị Yến Duyên¹, Phan Thị Thùy Nguyễn¹,
Hà Thị Kim Phụng¹, Nguyễn Thị Mỹ Dung¹, Nguyễn Bá Phương²*

1. Trường Đại học Quốc tế Miền Đông

2. Cục Hải Quan tỉnh Bình Dương

*Email: liem.le@eiu.edu.vn

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống COVID-19 của người dân có ảnh hưởng trực tiếp đến công tác phòng chống dịch lây lan trong cộng đồng. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định mức độ kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống COVID-19 và các yếu tố liên quan trong thời kỳ bình thường mới tại thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 524 người dân ở thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương từ 2/2022 đến 5/2022. **Kết quả:** Tỷ lệ kiến thức tốt chiếm 79,2%. Thái độ tích cực là 89,9%. Thực hành đúng chiếm 86,5%. Có mối liên quan giữa kiến thức tốt với nhóm tuổi, nghề nghiệp, thu nhập và tiêm vắc xin phòng ngừa COVID-19; Giữa thực hành đúng với trình độ học vấn, nghề nghiệp. **Kết luận:** Kiến thức, thái độ và thực hành đúng về phòng chống COVID-19 còn chưa cao. Cần có biện pháp hỗ trợ để tăng tỷ lệ kiến thức, thái độ và thực hành đúng của người dân.

Từ khóa: Kiến thức, thái độ, thực hành, COVID-19.

ABSTRACT

**SURVEY OF PEOPLE'S KNOWLEDGE, ATTITUDES, PRACTICES
AND RELATED FACTORS FOR COVID-19 PREVENTION IN THE NEW
NORMAL STATE IN THU DAU MOT CITY, BINH DUONG PROVINCE**

Le Hong Liem^{1}, Tran Thi Yen Duyen¹, Phan Thi Thuy Nguyen¹,
Ha Thi Kim Phung¹, Nguyen Thi My Dung¹, Nguyen Ba Phuong²*

1. Eastern International University

2. Binh Duong Province Customs Department

Background: People's knowledge, attitudes and practices towards COVID-19 prevention directly impacted on the fight against COVID-19 pandemic in community. **Objectives:** To determine the level of knowledge, attitudes and practices towards COVID-19 prevention and related factors in the new normal state in Thu Dau Mot city, Binh Duong province. **Methods:** Cross-sectional descriptive study on 524 people in Thu Dau Mot City, Binh Duong province from 2/2022 to 5/2022. **Results:** The percentage of sufficient knowledge was 79.2%. The figures for positive attitudes and correct practices were 89.9% and 86.5% respectively. The factors of age group, occupation, income and vaccination were significantly associated with sufficient knowledge regarding preventive action against COVID-19 spreading. The correct practices were associated with education and occupation. **Conclusion:** Knowledge, attitudes and correct practices towards COVID-19 prevention was low. More effective supports should be done to increase the proportion of people's sufficient knowledge, positive attitudes and correct practices towards COVID-19 prevention.

Keywords: Knowledge, attitudes, practices, COVID-19.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh Coronavirus (COVID-19) là một bệnh truyền nhiễm do vi rút SARS-CoV-2 gây ra [8], bệnh gây tác hại tiêu cực mọi mặt đời sống kinh tế xã hội và là một mối đe dọa sức khỏe người dân cộng đồng [5]. Vì vậy, Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã công bố bệnh COVID-19 là đại dịch trên toàn cầu [10]. Tính đến ngày 18/5/2022, trên toàn có giới có khoảng 520.372.492 trường hợp nhiễm COVID-19, trong đó có 6.270.232 trường hợp tử vong [9]. Tại Việt Nam, theo báo cáo của Bộ Y tế tổng số ca nhiễm COVID-19 là 10.701.796 ca, trong đó có 43.072 ca tử vong [1]. Một trong những địa phương có số ca nhiễm COVID-19 cao trong cả nước là tỉnh Bình Dương với 320.870 ca bệnh và 3.517 ca tử vong [1].

Để cung cấp thông tin một cách toàn diện cho bức tranh phòng chống dịch COVID-19 nên chúng tôi đã thực hiện nghiên cứu “Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành và các yếu tố ảnh hưởng phòng chống COVID-19 của người dân trong thời kỳ bình thường mới tại thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương” với mục tiêu:

- + Xác định mức độ kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống COVID-19 của người dân trong thời kỳ bình thường mới tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- + Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức, thái độ và hành vi phòng chống COVID-19 của người dân trong thời kỳ bình thường mới tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng tham gia

Người dân sinh sống tại thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương từ tháng 2/2022 đến tháng 5/2022.

- **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Người dân trên 18 tuổi trở lên tự nguyện tham gia nghiên cứu.
- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Người dân bị sa sút trí tuệ, bệnh tâm thần... không có khả năng trả lời câu hỏi phỏng vấn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.
- **Cỡ mẫu:**

$$n = \frac{Z_{(1-\alpha/2)}^2 \cdot p \cdot (1-p)}{d^2} * DE$$

p: Tỷ lệ người dân trên 18 tuổi có thực hành tốt về phòng chống COVID-19. Ở đây chúng tôi chọn p=0,5. Với d=0,05 và hệ số thiết kế DE=1,3 thì cỡ mẫu ước tính cần cho nghiên cứu là n=500,5 (501) mẫu. Thực tế cỡ mẫu lấy được trong nghiên cứu là 524 mẫu.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu thuận tiện. Chúng tôi gửi giấy mời cho người dân từ 18 tuổi trở lên đang sống tại thành phố Thủ Dầu Một đến trạm Y tế phường vào các ngày trong tuần (thứ 2 đến thứ 6) để tham gia phỏng vấn. Từ tháng 2/2022 đến tháng 5/2022, chúng tôi đã phỏng vấn được 524 đối tượng thỏa mãn các tiêu chuẩn chọn mẫu.

- **Nội dung nghiên cứu:** Thông tin chung đối tượng: Giới tính, tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, thu nhập, tình trạng hôn nhân, lịch sử tiêm vắc xin phòng COVID-19, mắc bệnh COVID-19, số thành viên sống chung nhà, thành viên sống chung mắc bệnh COVID-19.

Kiến thức phòng chống COVID-19: Triệu chứng (thường gặp, ít gặp, nghiêm trọng), đường lây, phòng ngừa (Tiêm vắc xin, giữ khoảng cách, mang khẩu trang, rửa tay, che

miệng và mũi khi ho hoặc hắt hơi, tự cách ly và khai báo y tế khi nghi ngờ mắc COVID-19). Sử dụng thang đo Likert 5 mức độ từ rất không đồng ý, không đồng ý, không biết, đồng ý đến rất đồng ý, tổng điểm kiến thức là 60 điểm ($\geq 80\%$: Tốt; 60-79%: Trung bình; $< 60\%$: Kém) [3], [4], [6].

Thái độ phòng chống COVID-19: Tiêm vắc xin, mang khẩu trang, rửa tay, giữ khoảng cách, không tụ tập, khai báo y tế. Sử dụng thang đo Likert 5 mức độ từ rất không đồng ý, không đồng ý, trung lập, đồng ý đến rất đồng ý, tổng điểm thái độ là 30 điểm ($\geq 80\%$: Tích cực; 60-79%: Trung lập; $< 60\%$: Tiêu cực) [3], [4], [6].

Thực hành phòng chống COVID-19: Mang khẩu trang, rửa tay, giữ khoảng cách, không tụ tập, khai báo y tế. Sử dụng thang đo Likert 5 mức độ từ không bao giờ, thỉnh thoảng, thường xuyên, rất thường xuyên đến luôn luôn, tổng điểm thực hành là 25 điểm ($\geq 80\%$: Tốt; 60-79%: Khá; $< 60\%$: Kém) [3], [4], [6].

Mối liên quan giữa kiến thức, thái độ và thực hành phòng ngừa COVID-19 với đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu, tình trạng mắc COVID-19. Mối liên quan giữa kiến thức với thái độ và thực hành phòng ngừa COVID-19.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Phỏng vấn trực tiếp đối tượng tham gia nghiên cứu trong thời gian 30 phút bằng bộ câu hỏi soạn sẵn.

- **Phương pháp xử lý:** Số liệu được xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS 25.0. Thống kê mô tả tần số và tỷ lệ biến số đặc điểm chung, đặc điểm liên quan đến COVID-19, kiến thức thái độ và thực hành phòng ngừa COVID-19. Phân tích hồi quy logistic được thực hiện để xác định mối liên quan giữa kiến thức, thái độ và thực hành phòng ngừa COVID-19 với các yếu tố ảnh hưởng.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Qua nghiên cứu 524 đối tượng tham gia, chúng tôi thu được những thông tin như sau:

3.1. Thông tin của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm đối tượng		Tần số	Tỷ lệ
		(n=524)	(%)
Giới tính	Nam	186	35,5
	Nữ	338	64,5
Tuổi	18-29	238	45,4
	30-39	150	28,6
	40-49	69	13,2
	50-59	20	3,8
	≥ 60	47	9,0
		M=34	SD=13,54618
Trình độ học vấn	Cấp 1	19	3,6
	Cấp 2	15	2,9
	Cấp 3	61	11,7
	Trung cấp, cao đẳng	246	46,9
	Đại học, sau đại học	183	34,9

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 50/2022

Đặc điểm đối tượng		Tần số	Tỷ lệ
		(n=524)	(%)
Nghề nghiệp	Nhân viên văn phòng	131	25,0
	Lao động phổ thông	43	8,2
	Tự kinh doanh	22	4,2
	Giáo viên	4	0,8
	Kỹ sư	13	2,5
	Hưu trí	16	3,0
	Nội trợ	22	4,2
	Sinh viên	139	26,5
Khác	134	25,6	
Thu nhập/tháng	<3 triệu	129	24,6
	3-5 triệu	117	22,3
	>5-10 triệu	184	35,1
	>10-15 triệu	65	12,4
	>15 triệu	29	5,6
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	240	45,8
	Kết hôn	260	49,6
	Ly dị	13	2,5
	Góa chồng/vợ	11	2,1

Nhận xét: Nghiên cứu có 64,5% người dân là nữ. Nhóm 18-29 tuổi là 45,4%. Trình độ học vấn chủ yếu là trung cấp, cao đẳng và đại học, sau đại học với tỷ lệ lần lượt là 46,9% và 34,9%. 26,5% người dân tham gia nghiên cứu là sinh viên, 25,0% là nhân viên văn phòng. Thu nhập >5-10 triệu/tháng chiếm 35,1%, 49,6% đối tượng đã kết hôn.

Bảng 2. Đặc điểm liên quan đến COVID-19

Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ
		(n=524)	(%)
Lịch sử tiêm vắc xin phòng COVID-19	Không tiêm	0	0,0
	Đã tiêm mũi 1	2	0,4
	Đã tiêm mũi 2	72	13,7
	Đã tiêm mũi 3	450	85,9
Mức bệnh COVID-19	Không	278	53,0
	Có	232	44,3
	Tái nhiễm lần 1	14	2,7
	Tái nhiễm lần 2	0	0,0
Số lượng thành viên sống chung nhà	1-2 người	44	8,4
	3-4 người	278	53,1
	5-6 người	161	30,7
	Từ 7 người trở lên	41	7,8
		M=4,4	SD=1,69480
Thành viên sống chung mắc bệnh COVID-19	Không	224	42,7
	Có	300	57,3

Nhận xét: Nghiên cứu có 85,9% người đã tiêm 3 mũi vaccin; 53% không mắc bệnh Covid-19; 53,1% người tham gia nghiên cứu sống chung trong nhà với 3-4 thành viên; 57,3% có thành viên sống chung mắc bệnh COVID-19.

3.2. Kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống COVID-19

Bảng 3. Kiến thức chung phòng chống COVID-19

Kiến thức chung	Số lượng (n=524)	Tỷ lệ (%)
Tốt ($\geq 80\%$)	415	79,2
Trung bình (60-79%)	99	18,9
Kém ($< 60\%$)	10	1,9

Nhận xét: Có 79,2% người tham gia có kiến thức tốt về phòng chống dịch COVID-19.

Bảng 4. Thái độ chung phòng chống dịch COVID-19

Thái độ chung	Số lượng (n=524)	Tỷ lệ (%)
Tích cực ($\geq 80\%$)	471	89,9
Trung lập (60-79%)	47	9,0
Tiêu cực ($< 60\%$)	6	1,1

Nhận xét: 89,9% người dân có thái độ chung tích cực phòng chống dịch COVID-19.

Bảng 5. Thực hành chung phòng chống dịch COVID-19

Thực hành chung	Số lượng (n=524)	Tỷ lệ (%)
Tốt ($\geq 80\%$)	453	86,5
Khá (60-79%)	58	11,1
Kém ($< 60\%$)	13	2,5

Nhận xét: Tỷ lệ có thực hành phòng, chống dịch COVID-19 tốt chiếm 86,5%.

3.3. Yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ và thực hành phòng ngừa dịch COVID-19

Bảng 6. Mối liên quan giữa đặc điểm chung của đối tượng và kiến thức, thái độ và thực hành phòng ngừa COVID-19

Đặc điểm	Kiến thức chung		Thái độ chung		Thực hành chung	
	OR (95%CI)	p	OR (95%CI)	p	OR (95%CI)	p
Nhóm tuổi						
18-29	1		1		1	
30-39	0,79 (0,51-0,94)	0,048*	0,82 (0,66-1,03)	0,25	0,32 (0,55-0,88)	0,53
40-49	0,66 (0,22-0,97)	0,047*	0,57 (0,54-0,74)	0,12	0,80 (0,64-1,09)	0,66
50-59	0,83 (0,30-0,87)	0,679	0,93 (0,56- 1,05)	0,10	0,96 (0,20-4,57)	0,96
≥ 60	0,78 (0,20-0,93)	0,981	0,9 (0,83-1,29)	0,10	2,07 (0,47-2,07)	0,33
Trình độ học vấn						
\leq Trung học phổ thông	1		1		1	
Trung cấp, cao đẳng	0,81 (0,45-1,48)	0,50	0,96 (0,54-1,71)	0,91	0,43 (0,25-0,75)	0,003*

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 50/2022

Đặc điểm	Kiến thức chung		Thái độ chung		Thực hành chung	
	OR (95%CI)	p	OR (95%CI)	p	OR (95%CI)	p
Đại học, sau đại học	1,03 (0,99-2,05)	0,050	0,95 (0,52-1,73)	0,87	0,65 (0,37-1,12)	0,12
Nghề nghiệp						
Lao động phổ thông	1		1		1	
Cán bộ viên chức	0,56 (0,33-0,95)	0,31	1,90 (0,86 -3,20)	0,11	0,56 (0,45-1,24)	0,003*
Hưu trí	0,81 (0,50-1,33)	0,41	1,42 (0,80-2,52)	0,22	0,79 (0,45-1,40)	0,42
Học sinh /sinh viên	0,21 (0,16-0,98)	0,048*	2,29 (0,84-2,20)	0,10	1,14 (0,64-1,86)	0,016*
Kinh doanh, buôn bán	0,42 (0,13-1,31)	0,13	1,13 (0,30-2,28)	0,85	0,87 (0,23-2,32)	0,83
Lao động tự do	0,82 (0,39-1,72)	0,60	1,41 (0,78-2,54)	0,49	0,95 (0,53-1,69)	0,86
Thu nhập						
<3 triệu	1		1		1	
>3-5 triệu	0,98 (0,42-2,32)	0,97	0,99 (0,338-2,88)	0,98	0,73 (0,27-1,95)	0,52
>5-10 triệu	0,92 (0,37-2,32)	0,86	1,87 (0,540-6,45)	0,32	1,30 (0,44-3,86)	0,63
>10-15 triệu	0,59 (0,18-1,98)	0,40	0,58 (0,41-1,20)	0,16	3,72 (0,83-16,74)	0,09
>15 triệu	0,59 (0,15-0,75)	0,018*	0,30 (0,061-1,49)	0,14	0,97 (0,22-4,25)	0,97

Nhận xét: Kiến thức tốt về phòng ngừa COVID-19 có liên quan đến các yếu tố tuổi từ 30-39 hoặc tuổi từ 40-49, học sinh/sinh viên và thu nhập >15 triệu. Thực hành tốt về phòng ngừa COVID-19 có liên quan đến các yếu tố trình độ học vấn bậc trung cấp, cao đẳng, cán bộ viên chức hoặc sinh viên (với $p < 0,05$).

Bảng 7. Mối liên quan giữa một số đặc điểm về tình trạng mắc COVID-19 và kiến thức, thái độ và thực hành phòng ngừa COVID-19

Đặc điểm	Kiến thức chung		Thái độ chung		Thực hành chung	
	OR (95%CI)	p	OR (95%CI)	p	OR (95%CI)	p
Tiêm vắc xin phòng ngừa COVID-19						
Đã tiêm mũi ≤ 2	1		1		1	
Đã tiêm mũi 3	0,48 (0,29-0,80)	0,005*	1,66 (0,96-2,89)	0,67	1,22 (0,69-2,16)	0,48

Nhận xét: Kết quả nghiên cứu cho thấy kiến thức tốt về phòng ngừa COVID-19 có liên quan đến yếu tố tiêm đủ 3 mũi (với $OR=0,48$; $95\%CI: 0,29-0,80$, $p=0,005$).

Bảng 8. Mối liên quan giữa kiến thức chung, thái độ chung và thực hành chung phòng ngừa COVID-19

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 50/2022

Đặc điểm	Kiến thức chung		Thái độ chung		Thực hành chung	
	OR (95%CI)	p	OR (95%CI)	p	OR (95%CI)	p
Kiến thức chung						
Chưa tốt			1		1	
Tốt			3,30 (1,04-7,16)	<0,001*	1,43 (0,26-1,73)	0,002*
Thái độ chung						
Chưa tích cực					1	
Tích cực					5,59 (3,02-10,37)	<0,001*

* $p < 0,05$, kiến thức tốt ≥ 48 điểm, Thái độ tích cực ≥ 24 điểm, Thực hành tốt ≥ 20 điểm.

Nhận xét: Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức chung tốt và thái độ tích cực với thực hành phòng ngừa COVID-19. Những người dân có kiến thức chung tốt có thái độ tích cực gấp 3,3 lần (OR 3,30 95% CI: 1,04-7,16, $p < 0,05$) và kiến thức chung tốt có thực hành tốt gấp 1,43 lần (OR 1,43 95% CI: 0,26-1,73, $p < 0,05$) so với những người dân có kiến thức chưa tốt. Những người dân có thái độ tích cực có thực hành tốt gấp 5,59 lần so với những người dân có thái độ chưa tích cực (OR 5,59 95% CI: 3,02-10,37, $p < 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Kiến thức, thái độ và thực hành phòng ngừa COVID-19

Kiến thức phòng ngừa dịch COVID-19: Nghiên cứu của chúng tôi 79,2% người tham gia có kiến thức tốt về phòng ngừa dịch COVID-19. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn nghiên cứu của tác giả Nguyễn Ngọc Như Khuê với 6,5% người tham gia nghiên cứu có kiến thức tốt [3], cao hơn nghiên cứu của Ferdous [8] với 48,3% kiến thức tốt, nhưng thấp hơn nghiên cứu của Hoang Bac Nguyen [6] với 93,7% có kiến thức tốt.

Thái độ phòng ngừa dịch COVID-19: Nghiên cứu của chúng tôi có 89,9% người tham gia nghiên cứu có thái độ chung tích cực phòng chống dịch COVID-19, cao hơn nghiên cứu của Ha Van Nhu [7] với 68,6% và nghiên cứu của Hoang Bac Nguyen [6] với 76,3% và thấp hơn nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Như Khuê [3] với 90,6% có thái độ chung tích cực.

Thực hành phòng ngừa dịch COVID-19: Nghiên cứu của chúng tôi có 86,5% thực hành ở mức độ tốt, cao hơn nghiên cứu của Hoang Bac Nguyen [6] với 57,7% thực hành tốt, cao hơn nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Như Khuê [3] với 69,5% thực hành tốt. Do nghiên cứu được thực hiện trong giai đoạn dịch COVID-19 đang diễn biến phức tạp, số ca mắc bệnh tăng cao trong cộng đồng. Thông tin về bệnh được truyền tải đến người dân bằng nhiều hình thức đa dạng trên các phương tiện thông tin đại chúng chính vì vậy kiến thức và thái độ của người dân về bệnh COVID-19 cao hơn trong các nghiên cứu được thực hiện trước đó, người dân nhận biết được mức độ nguy hiểm của bệnh nên rất quan tâm thực hiện tốt các biện pháp phòng bệnh.

4.2. Yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ và thực hành phòng ngừa dịch COVID-19

Yếu tố liên quan đến kiến thức: Người dân thuộc nhóm tuổi từ 30-39 hoặc từ 40-49 có kiến thức tốt về phòng ngừa COVID-19 thấp hơn các nhóm 18-29 tuổi. Kết quả nghiên

cứu của Hoang Bac Nguyen [6] cũng cho kết quả tương đồng ở các nhóm tuổi. Đối tượng là học sinh/sinh viên và người có thu nhập >15 triệu có kiến thức tốt thấp hơn các nhóm khác. Nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Như Khuê [3] cho kết quả tương đồng: Sinh viên có kiến thức tốt thấp hơn các nhóm khác. Kiến thức tốt về phòng ngừa COVID-19 có liên quan đến yếu tố tiêm đủ 3 mũi.

Yếu tố liên quan đến thực hành: Thực hành tốt về phòng ngừa COVID-19 có liên quan đến các yếu tố trình độ học vấn bậc trung cấp, cao đẳng (với $p < 0,05$). Đối tượng sinh viên có thực hành tốt cao hơn đối tượng là cán bộ viên chức. Kết quả này cũng giống với kết quả nghiên cứu của Hoang Bac Nguyen [6].

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy: Có mối liên quan giữa kiến thức chung với thái độ chung và thực hành chung về phòng ngừa COVID-19. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với nghiên cứu của tác giả Huỳnh Giao [2], Nguyễn Ngọc Như Khuê [3] và Hoang Bac Nguyen [6]. Kết quả nghiên cứu đã khẳng định vai trò rất quan trọng của việc nâng cao kiến thức cho người dân sẽ giúp người dân nhận thức đúng và có thái độ tích cực trong thực hành tốt phòng ngừa COVID-19.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu có tỷ lệ kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống COVID-19 tốt là 79,2%, 89,9% và 86,5%. Có mối liên quan giữa kiến thức với nhóm tuổi, nghề nghiệp, thu nhập và tiêm vắc xin phòng ngừa COVID-19 ($p < 0,05$). Có mối liên quan giữa thực hành với trình độ học vấn và nghề nghiệp ($p < 0,05$). Có mối tương quan thuận giữa kiến thức chung với thái độ chung và thực hành chung về phòng ngừa COVID-19, tương quan thuận giữa thái độ chung với thực hành chung của người dân. Tóm lại, để nâng cao tỷ lệ thực hành tốt các biện pháp phòng chống COVID-19 cần có chiến lược can thiệp giúp nâng cao kiến thức của người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2022), Tình hình COVID-19.
2. Huỳnh Giao, Nguyễn Đăng Dung, Nguyễn Thị Ngọc Hân (2021), “Kiến thức, thái độ và thực hành phòng ngừa COVID-19 của người bệnh tại bệnh viện Quận 2, TP. Hồ Chí Minh”, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, 25(2), tr.103-110.
3. Nguyễn Ngọc Như Khuê, Vũ Thị Quỳnh Hậu, Nguyễn Hữu Huyền (2022), “Kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống dịch COVID-19 của người dân trên 18 tuổi tại tỉnh Đắk Lắk năm 2021”, *Tạp chí Y học Việt Nam*, 510(1), tr.137-148.
4. Al-Hanawi M. K, Angawi K, Alshareef N, *et al.* (2020), “Knowledge, Attitude and Practice Toward COVID-19 Among the Public in the Kingdom of Saudi Arabia: A Cross-Sectional Study”, *Frontiers in public health*, 8, pp.217-217.
5. Ferdous M. Z, Islam M. S, Sikder M. T, *et al.* (2020), “Knowledge, attitude, and practice regarding COVID-19 outbreak in Bangladesh: An online-based cross-sectional study”, *PLOS ONE*, 15(10), pp.e0239254.
6. Nguyen H. B., Nguyen T. H. M., Tran T. T. N., *et al.* (2021), “Knowledge, Attitudes, Practices, and Related Factors Towards COVID-19 Prevention Among Patients at University Medical Center Ho Chi Minh City, Vietnam”, *Risk Management and Healthcare Policy*, 14, pp.2119-2132.

7. Van Nhu H., Tuyet-Hanh T. T., Van N. T. A., *et al.* (2020), “Knowledge, Attitudes, and Practices of the Vietnamese as Key Factors in Controlling COVID-19”, *Journal of Community Health*, 45(6), pp.1263-1269.
8. World Health Organization (2022), Coronavirus disease (COVID-19).
9. World Health Organization (2022), WHO Coronavirus (COVID-19) Dashboard.
10. World Health Organization (2020), WHO Director-General’s opening remarks at the mission briefing on COVID-19.

(Ngày nhận bài: 28/5/2022 – Ngày duyệt đăng: 04/8/2022)

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ SỎI NIỆU QUẢN
BẰNG PHƯƠNG PHÁP TÁN SỎI NỘI SOI NGƯỢC DÒNG SỬ DỤNG
NĂNG LƯỢNG LASER HOLMIUM: YAG TẠI BỆNH VIỆN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2021-2022**

Đông Minh Lý^{1*}, Đàm Văn Cường²

1. Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp

2. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email: 20210430180@student.ctump.edu.vn

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Sỏi niệu quản là một bệnh lý thường gặp tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long; các phương pháp điều trị như mổ mở lấy sỏi, phẫu thuật nội soi sau phúc mạc là những phương pháp xâm lấn, ảnh hưởng nhiều đến chất lượng cuộc sống người bệnh. Hiện nay, phương pháp tán sỏi nội soi ngược dòng bằng năng lượng Laser Holmium: YAG đang được ưa chuộng với nhiều ưu điểm. Đây được coi là phương pháp an toàn hiệu quả nhất để điều trị sỏi niệu quản. **Mục tiêu nghiên cứu:** Đánh giá kết quả điều trị sỏi niệu quản bằng Laser Holmium: YAG tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2021-2022. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Đây là một nghiên cứu tiến cứu, mô tả cắt ngang gồm 53 lượt bệnh nhân bị sỏi niệu quản được đưa vào nghiên cứu. Địa điểm nghiên cứu tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, thời gian từ 3/2021 đến 3/2022. **Kết quả:** Có 53 bệnh nhân, trong đó có 27 nam (50,94%), 26 nữ (49,06%); tuổi trung bình là 43,6±12,1 tuổi. Số lượng sỏi nhiều nhất được tán là 2 viên. Sỏi phân bố 1/3 trên 39,6%; 1/3 giữa 17%; 1/3 dưới 43,4%. Kết quả thành công 94,3% (50 trường hợp), 5,7% (3 trường hợp) thất bại do sỏi chạy lên thận, sỏi sỏi to, chuyển phương pháp tán sỏi ngoài cơ thể. Không có biến chứng gần cần can thiệp lại. **Kết luận:** Phương pháp nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng bằng năng lượng laser holmium: YAG là phương pháp có hiệu quả và an toàn. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy đây là phương pháp ít sang chấn và nên được lựa chọn để điều trị sỏi niệu quản ở tất cả các vị trí.

Từ khóa: Sỏi niệu quản, tán sỏi nội soi ngược dòng, tán sỏi laser.